

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 95/2024/DS-PT

Ngày: 28 - 02 - 2024

V/v: Tranh chấp về thừa kế
tài sản, yêu cầu hủy văn bản
phân chia di sản và hủy giấy
chứng nhận quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Tiến Dũng

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Đức Cảnh

Ông Lại Văn Tùng

- **Thư ký phiên toà:** Bà Ngô Thu Phương - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Nam Định.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định tham gia phiên toà:** Bà Mai Thị Bích Huyền - Kiểm sát viên

Ngày 28 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Nam Định mở phiên toà xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 117/2023/TLPT- DS ngày 10/11/2023 về việc “Tranh chấp về thừa kế tài sản, yêu cầu hủy văn bản phân chia di sản và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.”

Do bản án dân sự sơ thẩm số 118/2023/DS – ST ngày 01 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện H bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 117/2024/QĐXX-PT ngày 09/01/2024

1. Nguyên đơn: Ông Phạm Văn T, sinh năm 1965; địa chỉ: Xóm K, xã Q, huyện H, tỉnh Nam Định.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Hoàng Thị S - Luật sư Công ty Luật TNHH L, Đoàn Luật sư thành phố N; địa chỉ: 27 Đường K, phường H, quận C, thành phố N.

2. Bị đơn: Ông Phạm Trọng T1, sinh năm 1954; địa chỉ: Xóm K, xã Q, huyện H, tỉnh Nam Định.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Phạm Thị Th, sinh năm 1948; địa chỉ: Xóm Qu, xã Q, huyện H, tỉnh Nam Định.

- Bà Phạm Thị T2, sinh năm 1958; địa chỉ: Xóm 4 Thôn Đ, xã H1, huyện H, tỉnh Nam Định.

- Bà Phạm Thị R, sinh năm 1962; địa chỉ: Xóm P1, xã H2, huyện H, tỉnh Nam Định.

- Ông Phạm Văn T3 (tên gọi khác Phạm Văn Ph), sinh năm 1969; địa chỉ: Xóm K, xã Q, huyện H, tỉnh Nam Định.

- Bà Vũ Thị Nh, sinh năm 1955; địa chỉ: Xóm K, xã Q, huyện H, tỉnh Nam Định.

4. Người làm chứng:

- Ông Phạm Văn Ch, sinh năm 1934; địa chỉ: địa chỉ: Xóm K, xã Q, huyện H, tỉnh Nam Định.

- Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1958; địa chỉ: Xóm K, xã Q, huyện H, tỉnh Nam Định.

- Ông Vũ Văn T4, sinh năm 1942; địa chỉ: Xóm Qu, xã Q, huyện H, tỉnh Nam Định.

- Anh Phạm Văn T5, sinh năm 1979; địa chỉ: Xóm K, xã Q, huyện H, tỉnh Nam Định.

5. Người kháng cáo: Ông Phạm Văn T là nguyên đơn, bà Phạm Thị Th, bà Phạm Thị T2, Bà Phạm Thị R, ông Phạm Văn T3 là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

Tại phiên tòa có mặt ông T, bà S, ông T1, bà Th, bà T2, Bà R, ông T3, bà Nh, ông T4.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 06/6/2022 và các lời khai trong quá trình tố tụng nguyên đơn ông Phạm Văn T trình bày:

Bố mẹ ông là cụ Phạm Văn T6 (chết ngày 14/4/2001) và cụ Trần Thị Ch1 (chết ngày 04/4/2012) sinh được 08 người con gồm: Ông Phạm Văn Thoái (là liệt sỹ hy sinh năm 1969, không có vợ con), bà Phạm Thị Th, ông Phạm Văn T7, bà Phạm Thị T2, Bà Phạm Thị R, ông Phạm Văn T, ông Phạm Văn T3 (tên gọi khác là Phạm Văn Ph), bà Phạm Thị M (chết ngày 25/04/2021, không có chồng con). Bố mẹ ông không có con riêng, không có con nuôi. Hai cụ chết không để lại di chúc.

Khi còn sống, cụ T6 và cụ Ch1 có tài sản chung là thửa đất số 248, tờ bản đồ số 11, diện tích 450m² (gồm đất ONT 200m², đất CLN 250m²) tại xóm K, xã Q, huyện H; đã được UBND huyện H đã cấp giấy nhận quyền sử dụng đất số M 429256 ngày 20/5/1997 mang tên hộ ông Phạm Văn T6. Nguồn gốc đất do ông cha để lại và bố mẹ vượt lập thêm từ đất ruộng. Trên đất có 01 căn nhà cấp 4 bốn gian, 01 nhà cấp 4 làm nhà ăn, nhà vệ sinh và 01 chuồng chăn nuôi của bố mẹ ông xây dựng. Ngoài ra còn có 04 thửa đất nông nghiệp tổng diện tích là 2.577m². Bố mẹ ông chết không có khoản nợ nào để lại.

Sau khi cụ T6 chết, đến ngày 22/5/2009 cụ Ch1 tổ chức họp gia đình có đầy đủ các con tham gia để phân chia đất như sau: Thừa đất có mặt đường dài 16,5m. Cho cháu đích tôn là Anh Phạm Văn T5 01 suất mặt đường dài 06m. Cho con út là bà Phạm Thị M 01 suất mặt đường dài 5,25m nhưng giao cho ông Phạm Trọng T1 là con trưởng có trách nhiệm nuôi dưỡng bà M đến hết đời, khi bà M qua đời thì ông T1 được hoàn toàn thừa kế. Còn lại 01 suất mặt đường dài 5,25m giao cho ông Phạm Trọng T1 là con trưởng trông coi, quản lý để sau này xây dựng từ đường làm nơi thờ cúng. Cuộc họp có lập văn bản do ông Vũ Văn T4 (là chồng bà Th) viết biên bản.

Sau khi cụ Ch1 chết, đến ngày 28/10/2016 anh chị em trong gia đình (trừ bà Phạm Thị T2 và Bà Phạm Thị R vắng mặt) tiếp tục họp bàn thực hiện theo di chúc của mẹ để lại, cụ thể đã thống nhất: Cho đất cháu Phạm Văn T5 (là con ông T1 và là cháu thống tôn) 5,5m mặt đường, chiều dài hết thửa đất theo hướng Đông Tây. Diện tích đất còn lại giao cho ông T1 là con trai cả được quyền thừa kế nhưng ông T1 phải chăm sóc, nuôi dưỡng bà Phạm Thị M đến hết đời và chịu trách nhiệm thờ cúng. Cuộc họp có lập văn bản do ông Vũ Văn T4 (là chồng bà Th) viết biên bản.

Năm 2018 ông T1 ở Miền Nam về ở nhà của bố mẹ nhưng ông T1 không thực hiện theo đúng nội dung các cuộc họp gia đình ngày 22/5/2009 và 28/10/2016, cụ thể không chăm sóc đầy đủ cho bà Phạm Thị M bị tàn tật (mắc bệnh tâm thần), không thực hiện đúng trách nhiệm thờ cúng hàng năm, cản trở anh chị em đến hương khói cho bố mẹ, tổ tiên và tự ý chuyển toàn bộ diện tích đất chia cho bà M và đất để làm nơi thờ cúng sang tên mình. Đến nay ông và các chị em khác chỉ đồng ý tặng cho Anh Phạm Văn T5 180m² đúng như Anh T5 đã được cấp giấy chứng nhận; số đất còn lại diện tích 270m² do ông T1 tự ý sang tên ông T1 thì ông không nhất trí tặng cho ông T1.

Khi giải quyết tranh chấp tại Tòa án thì chị em ông mới biết có văn bản phân chia di sản thừa kế ngày 04/11/2019 tặng cho toàn bộ di sản của bố mẹ cho ông T1. Ông khẳng định không hề có cuộc họp gia đình nào được tổ chức để chia di sản thừa kế cho ông T1 nhưng ông xác nhận có ký tên vào 01 văn bản do ông T1 mang đến nhà xin chữ ký nói lý do để làm thủ tục tách thửa cho Anh T5 (con trai ông T1 và là cháu đích tôn), do tin tưởng nên ông không đọc lại nội dung văn bản trước khi ký.

Nay ông khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Hủy văn bản phân chia di sản thừa kế ngày 04/11/2019. Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DD 311855 cấp ngày 31/12/2021 cho ông Phạm Trọng T1 đối với thửa số 682, tờ bản đồ số 11, diện tích 270m² tại xóm K, xã Q, huyện H, tỉnh Nam Định. Chia di sản thừa kế của cụ T6, cụ Ch1 là 270m² đất tại thửa số 682, tờ bản đồ số 11 xã Q do ông Phạm Trọng T1 đang đứng tên. Do bà M đã chết, ông yêu cầu chia cả phần di sản của bà M theo pháp luật. Ông nhận chia đất để sử dụng sau này làm nơi thờ cúng bố mẹ, tổ tiên.

* Tại bản tự khai ngày 24/10/2022 và các lời trình bày trong quá trình tố tụng, bị đơn ông Phạm Trọng T1 trình bày:

Ông nhất trí với lời trình bày của ông Phạm Văn T về mối quan hệ huyết thống gia đình, về thời điểm cụ T6 và cụ Ch1 chết. Cụ T6 chết không để lại di chúc, còn cụ Ch1 trước khi mất có họp gia đình phân chia di sản thừa kế ngày 22/5/2009 như ông T trình bày nhưng bản gốc đã bị mất. Di sản của bố mẹ ông để lại là thửa đất số 248, tờ bản đồ 11, diện tích 450m² và bố mẹ ông không có khoản nợ nào để lại. Năm 2017, ông ở Miền Nam về quê quản lý nhà đất của bố mẹ và chăm sóc bà Phạm Thị M bị bệnh tâm thần theo nội dung các cuộc họp gia đình đã thống nhất từ trước. Năm 2018 ông có sửa chữa nhà cũ của bố mẹ, lợp thêm mái tôn lạnh để vợ chồng ông ở cho đến nay. Bà M ở với vợ chồng ông được chăm sóc, ăn uống đầy đủ, đến tháng 04/2021 thì bà M chết do bị tai nạn giao thông.

Sau khi ở Miền Nam về quê ở, ông có nhờ anh rể là ông Vũ Văn T4 (là chồng bà Phạm Thị Th) liên hệ với UBND xã Q làm hộ thủ tục sang tên đất của bố mẹ cho Anh T5 và ông sử dụng theo như nội dung các cuộc họp gia đình thống nhất. Ông T4 đã mang văn bản phân chia di sản thừa kế ngày 04/11/2019 do xã hướng dẫn về nhà cho ông và các anh chị em khác ký tên rồi nộp cho xã, ông chỉ nhớ có ký 01 bản. Ngày 31/12/2021 ông và Anh T5 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ông sử dụng thửa số 682, tờ bản đồ số 11, diện tích 270m².

Đến nay ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn T và yêu cầu của các anh chị em khác đòi chia di sản thừa kế của bố mẹ ông đối với thửa đất số 682, diện tích 270m² và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông vì khi còn sống mẹ ông (cụ Ch1) đã họp gia đình có mặt đầy đủ các anh chị em ông thống nhất chia đất cho đất ông và Anh T5. Đến ngày 04/11/2019 thì các anh chị em trong gia đình đã thống nhất ký văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế của bố mẹ cho ông, để ông làm thủ tục tách thửa cho Anh T5 tránh bị mất thuế. Trong văn bản phân chia di sản thừa kế chỉ thiếu chữ ký của bà Phạm Thị M vì bà M bị bệnh tâm thần không biết ký. Do ông nhờ ông Vũ Văn T4 liên hệ với xã làm hộ thủ tục sang tên, không thấy có ai hướng dẫn phải làm thủ tục cử người giám hộ cho bà M nên ông không biết. Nếu phải chia phần di sản thừa kế của bà Phạm Thị M được hưởng của bố mẹ thì ông xin nhận hưởng toàn bộ di sản của bà M vì ông đã có công chăm sóc, nuôi dưỡng bà M cho đến khi bà M mất. Bản thân ông cũng bị thiệt thòi là con trai trưởng nhưng không được bố mẹ chia đất mà ông T và ông T3 thì đã được bố mẹ chia đất cho ở liền kề bố mẹ.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đứng về phía nguyên đơn là bà Phạm Thị Th, bà Phạm Thị T2, Bà Phạm Thị R thống nhất trình bày:

Các bà thống nhất với lời trình bày của ông Phạm Văn T về các thành viên trong gia đình; về nguồn gốc tài sản của cụ T6, cụ Ch1. Cụ T6 chết không để lại di chúc, còn cụ Ch1 khi còn sống có họp gia đình phân chia di sản thừa kế như ông T trình bày. Các bà khẳng định ngày 04/11/2019 không có cuộc họp gia đình phân chia di sản thừa kế của cụ T6, cụ Ch1 cho ông Phạm Trọng T1 nhưng các bà công nhận có ký 01 văn bản do ông T1 mang đến nhà xin chữ ký và nói lý do để làm thủ tục tách thửa cho cháu Phạm Văn T5, do tin tưởng nên các bà không đọc lại nội dung văn bản trước khi ký.

Trước đây các bà cũng có ý định nếu ông T1 chăm sóc đầy đủ, chu đáo bà M bị tâm thần và thực hiện tốt việc cúng giỗ hàng năm cho bố mẹ, tổ tiên thì toàn bộ di sản của bố mẹ chia cho cháu Tam một suất, còn lại thì tặng cho ông T1 nhưng đến nay các bà không đồng ý tặng cho đất ông T1 nữa. Nay các bà nhất trí với yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn T về việc hủy văn bản phân chia di sản thừa kế lập ngày 04/11/2019, hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DD 311855 cấp ngày 31/12/2021 mang tên ông Phạm Trọng T1 và chia di sản thừa kế của cụ T6, cụ Ch1 theo pháp luật đối với thửa đất số 682, tờ bản đồ số 11, diện tích 270m² tại xóm K, xã Q, huyện H, tỉnh Nam Định. Đối với diện tích 180m² đất Anh T5 đã được cấp giấy chứng nhận thì các bà đồng ý tặng cho Anh T5, không yêu cầu phân chia. Do bà M đã chết nên các bà yêu cầu được chia phần di sản thừa kế của bà M. Nếu được chia đất sử dụng thì các bà nhận chia chung với ông Phạm Văn T và ông Phạm Văn T3, nếu chia theo giá trị di sản bằng tiền thì các bà xin nhận tiền.

* Tại bản tự khai ngày 09/11/2022 và các lời khai trong quá trình tham gia tố tụng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Văn T3 trình bày:

Ông thống nhất với lời trình bày và yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn T. Nếu chia di sản của bố mẹ ông và bà M thì ông nhận chia đất để sử dụng sau này anh chị em ông làm nơi thờ cúng.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đứng về phía bị đơn bà Vũ Thị Nh trình bày: Bà nhất trí với quan điểm trình bày của chồng bà ông Phạm Trọng T1.

* Tại biên bản lấy lời khai ngày 13/02/2023, đơn kiến nghị ngày 27/7/2023 và lời khai tại phiên tòa, người làm chứng ông Vũ Văn T4 trình bày: Ông là chồng bà Phạm Thị Th và là con rể của cụ Phạm Văn T6, cụ Trần Thị Ch1. Do ông có uy tín trong gia đình nên được mời dự hai cuộc họp trong gia đình bên vợ vào các năm 2009 và năm 2016. Ông là người trực tiếp viết các biên bản họp gia đình có nội dung đúng như ông T, ông T3, bà Th, bà T2 và Bà R trình bày. Do ông đã từng công tác tại xã Q có mối quan hệ quen biết nên ông T1 có nhờ ông liên hệ với ông Phạm Đức Tư là cán bộ địa chính xã để làm thủ tục chia tách đất cho Anh Phạm Văn T5 (con trai ông T1) nhưng do chờ lâu chưa sang tên cho Anh T5 được nên ông đã giao lại cho ông T1 tự đi làm thủ tục. Ông được biết ông T1 đã hỏi mượn sổ hộ khẩu, chứng minh nhân dân của các anh chị em và mang hồ sơ đến từng nhà xin chữ ký nói để làm thủ tục sang tên cho Anh T5 nhưng ông T1 đã sang tên cả cho mình phần đất còn lại sau khi tách một phần cho Anh T5 thì ông không được biết. Sau này ông T1 có ý định bán đất cho người khác anh em trong gia đình xảy ra mâu thuẫn thì ông mới biết có văn bản phân chia di sản thừa kế ngày 04/11/2019 do UBND xã Q chứng thực. Ông khẳng định không trực tiếp mang văn bản phân chia di sản thừa kế ngày 04/11/2019 về nhà cho mọi người ký như lời trình bày của ông Phạm Đức Tư và ông Phạm Trọng T1. Do ông T1 không thực hiện đúng cam kết với anh chị em trong gia đình, đã gây ra mâu thuẫn mất đoàn kết nên ông cũng nhất trí với yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn T.

* Tại biên bản lấy lời khai ngày 31/3/2023, người làm chứng Anh Phạm Văn T5 trình bày: Anh là con trai của ông Phạm Trọng T1. Từ khi bà nội anh (cụ Ch1) còn sống và sau này thì anh có được nghe nói cụ Ch1 và các cô, chú, bác của anh đồng ý tặng cho anh 01 suất đất của cụ T6, cụ Ch1 vì anh là cháu thống tôn (đích tôn) của gia đình. Do anh thường xuyên đi làm kinh tế ở xa nên không chứng kiến các cuộc họp của gia đình. Sau khi cụ Ch1 mất, anh có nhờ ông Vũ Văn T4 (là chồng bà Th) liên hệ và làm thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh. Mọi thủ tục liên hệ làm hồ sơ và nộp tiền thuế đều do ông Vũ Văn T4 thay mặt anh thực hiện. Anh đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 31/12/2021 đối với thửa đất số 681, tờ bản đồ số 11, diện tích 180m² tại xóm K, xã Q. Năm 2022 vợ chồng anh đã xây dựng 01 nhà mái bằng 02 tầng kiên cố trên phần đất được tặng cho để ở. Đến nay anh không có ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn T đối với bố anh.

* Tại các biên bản lấy lời khai ngày 07/02/2023, người làm chứng ông Phạm Văn Ch và bà Nguyễn Thị Th1 đều trình bày: Ông Ch trước đây là Trưởng họ Phạm Chi tộc từ năm 1989 đến năm 2017 thì nghỉ. Ông Ch và bà Th1 cùng là hàng xóm với cụ Phạm Văn T6 và cụ Phạm Thị Chín. Các ông, bà có biết bà Phạm Thị M là con cụ T6, cụ Ch1 bị bệnh tâm thần từ nhỏ; trước đây thì vợ chồng cụ T6, cụ Ch1 nuôi bài M; sau khi hai cụ chết thì các con cụ T6 đã họp bàn giao cho ông T1 là con trai trưởng từ thành phố H về quê quản lý đất đai của hai cụ và nuôi dưỡng bài M. Các ông, bà khẳng định ông T1 rất có trách nhiệm với bài M, nuôi ăn hàng ngày, chưa bao giờ nghe thấy ông T1 đánh chửi và đuổi bài M ra khỏi nhà.

* Bản án dân sự sơ thẩm số 118/2023/DS – ST ngày 01 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện H quyết định.

Căn cứ vào các Điều 357, 468, 611, 612, 613, 650, 651, 660 của Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 157, 161, 165, 229, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn T về chia di sản của bà Phạm Thị M.

2. Không chấp nhận yêu cầu của ông Phạm Văn T về chia di sản của cụ Phạm Văn T6 và cụ Trần Thị Ch1; yêu cầu hủy văn bản phân chia di sản thừa kế ngày 04/11/2019 và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DD 311855 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Nam Định cấp ngày 31/12/2021 cho ông Phạm Trọng T1 đối với thửa đất số 682, tờ bản đồ số 11, diện tích 270m² tại xóm K, xã Q, huyện H, tỉnh Nam Định.

3. Công nhận ông Phạm Trọng T1 được quyền sử dụng thửa đất số 682, tờ bản đồ số 11, diện tích 270m² (gồm đất ONT.143m², đất CLN.127m²) tại xóm K, xã Q, huyện H, tỉnh Nam Định theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DD 311855 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Nam Định cấp ngày 31/12/2021 mang tên ông Phạm Trọng T1.

4. Buộc ông Phạm Trọng T1 phải thanh toán giá trị phần di sản thừa kế được hưởng của bà Phạm Thị M cho các thừa kế của bài M gồm: Ông Phạm Văn

T, bà Phạm Thị Th, bà Phạm Thị T2, Bà Phạm Thị R và ông Phạm Văn T3 (tên gọi khác là Phạm Văn Ph); mỗi người là 48.212.500đ (Bốn mươi tám triệu hai trăm mười hai nghìn năm trăm đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

5. Về chi phí tố tụng: Ông Phạm Văn T, bà Phạm Thị Th, bà Phạm Thị T2, Bà Phạm Thị R và ông Phạm Văn T3 phải nộp toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá tài sản và chi phí giám định tổng cộng là 8.929.000 đồng. Xác nhận ông T, bà Th, bà T2, Bà R, ông T3 đã nộp tạm ứng tại Tòa án và đã chi xong.

6. Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông Phạm Trọng T1, bà Phạm Thị Th, bà Phạm Thị T2 và Bà Phạm Thị R do là người cao tuổi và đã có đơn xin miễn nộp án phí.

Ông Phạm Văn T phải nộp 2.410.000đ (Hai triệu bốn trăm mười nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 5.000.000 đồng theo biên lai thu số 0006370 ngày 21/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H. Ông Phạm Văn T được trả lại số tiền 2.590.000 đồng.

Ông Phạm Văn T3 phải nộp 2.410.000đ (Hai triệu bốn trăm mười nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

* Ngày 12/8/2023 ông Phạm Văn T, bà Phạm Thị Th, bà Phạm Thị T2, Bà Phạm Thị R, ông Phạm Văn T3 kháng cáo bản án sơ thẩm; yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

* Tại phiên tòa các đương sự trình bày nội dung sự việc tranh chấp như đã nêu trên.

Nguyên đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đứng về phía nguyên đơn đề nghị hủy toàn bộ bản án sơ thẩm để giải quyết lại.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn có quan điểm: Tòa án cấp sơ thẩm thu thập chứng cứ không đầy đủ, thiếu sót về nguồn gốc, quá trình sử dụng đất của hộ cụ T6; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ cụ T6, thời điểm đó hộ cụ T6 gồm 4 người là cụ T6, cụ Ch1, bà M, anh H; Tòa án không thu thập tài liệu về những người thừa kế của bà M, bà M có con mà ghi là không có con; Tòa án xác định Anh T5 là người làm chứng là không đúng. Vì vậy căn

cứ Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự đề nghị Hội đồng xét xử hủy toàn bộ bản án sơ thẩm.

Bị đơn không nhất trí với quan điểm của nguyên đơn, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định phát biểu quan điểm:

- Những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Nguyên đơn yêu cầu khởi kiện hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bị đơn nhưng Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý giải quyết là không đúng thẩm quyền. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, hủy bản án dân sự sơ thẩm số 118/2023/DS – ST ngày 01 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện H để giải quyết lại theo đúng thẩm quyền.

- Về án phí: Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của ông Phạm Văn T, bà Phạm Thị Th, bà Phạm Thị T2, Bà Phạm Thị R, ông Phạm Văn T3 làm trong thời hạn luật định nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của các đương sự:

[2.2] Về thời điểm mở thừa kế, thời hiệu thừa kế, về diện và hàng thừa kế, về di sản thừa kế, về di chúc: Các đương sự đều thống nhất xác định như sau:

- Về thời hiệu khởi kiện: Cụ Phạm Văn T6 chết ngày 14/4/2001, cụ Phạm Thị Chín chết ngày 04/4/2012 và bà Phạm Thị Mão chết ngày 25/4/2021, nên thời hiệu khởi kiện chia di sản thừa kế là bất động sản vẫn còn.

- Về di sản thừa kế: Căn cứ vào lời khai thống nhất của các đương sự và các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ thì cụ Phạm Văn T6 và cụ Phạm Thị Chín có tài sản chung là thửa đất số 248, tờ bản đồ số 11, diện tích 450m² (gồm đất ONT 200m², đất CLN 250m²) tại xóm K, xã Q, huyện H; đã được UBND huyện H cấp giấy nhận quyền sử dụng đất số M 429256 ngày 20/5/1997 mang tên hộ ông Phạm Văn T6. Trên đất có 01 căn nhà cấp 4 bốn gian, 01 nhà cấp 4 làm nhà ăn, nhà vệ sinh và 01 chuồng chăn nuôi của của hai cụ xây dựng. Ngoài ra hai cụ còn có 04 thửa đất nông nghiệp tổng diện tích là 2.577m². Tuy nhiên các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết chia thừa kế đối với tài sản trên đất và đất nông nghiệp.

Sau khi cụ T6 chết, cụ Ch1 quản lý sử dụng nhà đất. Đến ngày 22/5/2009 cụ Ch1 và các con đã họp gia đình phân chia đất cho bà Phạm Thị M 01 suất, Anh Phạm Văn T5 01 suất và ông Phạm Trọng T1 01 suất và giao trách nhiệm cho ông T1 nuôi dưỡng bà M, thờ cúng tổ tiên. Sau khi cụ Ch1 chết, đến ngày 28/10/2016 anh em trong gia đình tiếp tục tổ chức họp gia đình nhưng không có mặt bà T2 và Bà

R đã thống nhất tặng cho Anh Phạm Văn T5 01 suất đất có chiều dài mặt đường 5,5m; số đất còn lại giao thừa kế cho ông Phạm Trọng T1 nhưng ông T1 phải có trách nhiệm nuôi dưỡng bà M đến hết đời và tổ chức cúng giỗ trong gia đình. Ngày 04/11/2019, các đồng thừa kế của cụ T6 và cụ Ch1 đã lập văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế (Trừ bà M bị bệnh tâm thần không ký văn bản), theo đó các đồng thừa kế tặng cho toàn bộ di sản thừa kế là diện tích 450m² đất tại thửa 248, tờ bản đồ số 11 xã Q cho ông Phạm Trọng T1, sau đó ông T1 đã được đăng ký biến động tại trang 4 của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ ông Phạm Văn T6. Sau khi được tặng cho toàn bộ di sản thừa kế, ông T1 đã làm thủ tục tách thành hai thửa cho ông T1 và Anh T5. Đến ngày 31/12/2021, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Nam Định đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DD 311854 cho Anh Phạm Văn T5 được quyền sử dụng thửa đất số 681, tờ bản đồ số 11 xã Q có diện tích 180m² (gồm đất ở 137m², đất trồng cây lâu năm 43m²) và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DD 311855 cho ông Phạm Trọng T1 đối với thửa đất số 682, tờ bản đồ số 11 xã Q có diện tích 270m² (gồm đất ở 143m², đất trồng cây lâu năm 127m²). Anh T5 và ông T1 đều đã nhận đất sử dụng, Anh T5 đã xây nhà hai tầng sinh sống ổn định đến nay, còn ông T1 sửa chữa nhà cũ của bố mẹ và sinh sống đến nay.

Nguyên đơn ông Phạm Văn T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị Th, bà Phạm Thị T2, Bà Phạm Thị R, ông Phạm Văn T3 đều cho rằng, các ông bà chỉ đồng ý tặng cho đất là di sản của cụ T6, cụ Ch1 cho Anh Phạm Văn T5 là cháu đích tôn, không tặng cho đất ông T1; việc ông T1 được cấp giấy chứng nhận diện tích 270m² đất di sản của cụ T6, cụ Ch1 là do lừa dối anh chị em ký văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế ngày 04/11/2019 để sang tên nên các ông bà yêu cầu huỷ văn bản phân chia di sản ngày 04/11/2019, huỷ giấy chứng nhận đã cấp cho ông Phạm Trọng T1 và yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ T6, cụ Ch1 đối với diện tích 270m² đất tại thửa số 682, tờ bản đồ số 11 xã Q. Bị đơn ông Phạm Trọng T1 không nhất trí với yêu cầu của ông T, bà Th, bà T2, Bà R và ông T3 với lý do khi mẹ ông (cụ Ch1) còn sống đã họp gia đình có tất cả các anh chị em nhất trí chia đất cho ông, đến ngày 04/11/2019 các anh chị em đã ký văn bản phân chia di sản thừa kế của bố mẹ tặng cho đất ông, ông đã nhờ anh rể là ông Vũ Văn T4 làm hộ thủ tục sang tên cho ông và Anh T5, đến ngày 31/12/2021 ông và Anh T5 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Việc bà M không ký tên trong văn bản ngày 04/11/2019 là do bà M bị tâm thần không ký được, không ai hướng dẫn ông phải làm thủ tục cử người giám hộ cho bà M nhưng ông là người chăm sóc, nuôi dưỡng bà M nên ông được nhận quyền hưởng di sản của bà M, vì vậy ông không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T và các anh chị em khác.

Xét văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế được UBND xã Q chứng thực ngày 04/11/2019:

Về hình thức đã được lập thành văn bản, có chứng thực của UBND xã Q nơi có di sản là phù hợp quy định của pháp luật. Ông T, bà Th, bà T2, Bà R và ông T3 là các đồng thừa kế của cụ T6, cụ Ch1 thừa nhận có ký vào văn bản; Kết luận giám định đã xác định chữ ký, chữ viết trong văn bản thỏa thuận phân chia di

sản thừa kế lập ngày 04/11/2019 có chứng thực của UBND xã Q đúng là chữ ký, chữ viết của các đương sự là ông T, bà Th, bà T2, Bà R, ông T3; Các ông bà cho rằng chỉ ký văn bản để làm thủ tục sang tên thửa đất cho Anh T5 chứ không phải để tặng cho đất ông T1 nhưng không có căn cứ chứng minh.

Nội dung văn bản phân chia di sản thừa kế ngày 04/11/2019 đã quyết định tặng cho ông Phạm Trọng T1 toàn bộ diện tích 450m² đất di sản của cụ T6, cụ Ch1. Mặc dù văn bản còn có sai sót về họ tên, địa chỉ của một số đương sự nhưng không làm thay đổi bản chất và ý chí của các đương sự đã đồng ý tặng cho quyền sử dụng đất là di sản thừa kế của cụ T6, cụ Ch1 cho ông Phạm Trọng T1. Mặt khác xét nội dung 02 biên bản họp gia đình ngày 22/5/2009 và 28/10/2016 cũng thể hiện ý chí của cụ Ch1, ông T, bà Th, bà T2, Bà R, ông T3 đều nhất trí tặng cho đất ông T1 cùng Anh T5 và giao trách nhiệm cho ông T1 chăm sóc, nuôi dưỡng bà M, thờ cúng tổ tiên. Ông T, bà Th, bà T2, Bà R, ông T3 cho rằng ông T1 đã ngược đãi, đánh đập bà M nhưng ngoài lời khai trình bày thì các đương sự không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh về hành vi ngược đãi bà M của ông T1. Những người làm chứng ông Phạm Văn Ch và bà Nguyễn Thị Th1 là hàng xóm đều khẳng định không có việc ông T1 ngược đãi bà M.

Về việc bà Phạm Thị M không có chữ ký trong văn bản phân chia di sản thừa kế ngày 04/11/2019. Tại thời điểm cụ T6 chết năm 2001, cụ Ch1 chết năm 2012 thì người thừa kế theo pháp luật hàng thứ nhất của cụ T6, cụ Ch1 là bà Th, ông T1, bà T2, Bà R, ông T, ông T3 và bà M (gồm 07 người). Tuy nhiên, tại Văn bản phân chia di sản thừa kế ngày 04/11/2019 không có chữ ký của bà Phạm Thị M là không đúng theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên bà Phạm Thị M bị mắc bệnh tâm thần, là người bị mất năng lực hành vi dân sự nên không thể tự mình tham gia giao dịch dân sự mà phải có người giám hộ. Trong trường hợp này bà M không có người giám hộ đương nhiên (Bà M không có chồng, con; bố mẹ bà M đã chết) thì Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú của bà M có trách nhiệm cử người giám hộ cho bà M. Tòa án cấp sơ thẩm nhận định nếu văn bản trên không có giá trị pháp lý thì cũng chỉ không có hiệu lực đối với phần di sản của bà M được hưởng, vì vậy đã phân chia thừa kế đối với phần di sản của bà M được hưởng từ cụ T6 và cụ Ch1 là có cơ sở, các đương sự không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị về vấn đề này.

Trong quá trình giải quyết vụ án ông T, ông T1, bà Th, bà T2, Bà R, ông T3 đều thống nhất trình bày, khi cụ Phạm Thị Chín còn sống và trong các cuộc họp gia đình đều thống nhất tặng cho đất di sản của cụ T6, cụ Ch1 cho Anh Phạm Văn T5 là cháu đích tôn. Đến nay Anh T5 đã được cấp giấy chứng nhận diện tích 180m² và nhận đất sử dụng, các đương sự đều không yêu cầu Anh T5 phải trả đất để chia thừa kế, không đề nghị Tòa án giải quyết phần đất Anh T5 đang sử dụng nên Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét giải quyết và không đưa Anh T5 vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là phù hợp. Vì vậy Anh T5 tham gia tố tụng với tư cách người làm chứng là đúng quy định của pháp luật, quan điểm của luật sư về vấn đề này không được chấp nhận.

Như vậy có đủ căn cứ xác định đến nay di sản của cụ Phạm Văn T6 và cụ Phạm Thị Chín không còn vì đã đã được phân chia theo văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế ngày 04/11/2019 như phân tích ở trên. Do đó Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc chia di sản thừa kế của cụ Phạm Văn T6 và cụ Trần Thị Ch1 là có căn cứ.

[2.3] Bà Phạm Thị M chết không để lại di chúc nên di sản thừa kế của bà M được chia theo pháp luật. Bà M chết ngày 25/4/2021, bà M không có chồng con, bố mẹ bà M đều đã chết trước bà M, vì vậy hàng thừa kế thứ nhất của bà M không có, hàng thừa kế thứ hai của bà M là bà Th, ông T1, bà T2, Bà R, ông T và ông T3 (tên gọi khác Phong). Tại phiên toà phúc thẩm phía nguyên đơn xuất trình chứng cứ (Giấy khai sinh, giấy chứng tử của anh Phạm Văn Hợp) thể hiện bà M có con là anh Phạm Văn Hợp, sinh năm 1993, chết năm 2007; tuy nhiên do anh H chết trước bà M nên không được hưởng thừa kế của bà M.

Phần di sản của bà Phạm Thị M được hưởng thừa kế từ cụ Phạm Văn T6 và cụ Trần Thị Ch1 là $270m^2 : 7 = 38,57m^2$ đất (đã làm tròn số) có trị giá là: $38,57m^2 \times 7.500.000đ/m^2 = 289.275.000$ đồng. Di sản thừa kế của bà M được chia đều cho 06 người thuộc hàng thừa kế thứ hai là bà Th, ông T1, bà T2, Bà R, ông T và ông T3; mỗi suất thừa kế được chia là 48.212.500đ (Bốn mươi tám triệu hai trăm mười hai nghìn năm trăm đồng). Xét thấy diện tích đất là di sản thừa kế của bà M để lại chỉ có $38,57m^2$ nên không thể chia bằng hiện vật cho tất cả các đồng thừa kế; trong khi đó ông T1 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đối với diện tích đất $270m^2$ và đang sinh sống trên đất, ngoài ra ông T1 không còn chỗ ở nào khác; các đương sự khác thì đều có chỗ ở ổn định. Do đó Tòa án cấp sơ thẩm giao cho ông Phạm Trọng T1 được quyền sử dụng toàn bộ thửa đất số 682 diện tích $270m^2$ và có trách nhiệm thanh toán trị cho các đồng thừa kế khác của bà M là phù hợp.

[2.4] Về yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Phạm Trọng T1: Cụ Phạm Văn T6 và cụ Trần Thị Ch1 đã được UBND huyện H cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu số M 429256 ngày 20/5/1997 đối với thửa đất số 248, tờ bản đồ số 11, diện tích $450m^2$ tại xóm K, xã Q, huyện H. Sau khi hai cụ chết, ngày 04/11/2019 các đồng thừa kế của hai cụ là ông T, bà Th, ông T1, bà T2, Bà R và ông T3 đã lập Văn bản thỏa thuận tặng cho ông Phạm Trọng T1 toàn bộ thửa đất số 248, diện tích $450m^2$. Sau khi đăng ký biến động, ông Phạm Trọng T1 đã lập hợp đồng tặng cho con trai là Anh Phạm Văn T5 $180m^2$, còn lại $270m^2$ ông T1 sử dụng. Ngày 31/12/2021, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Nam Định đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DD 311854 cho Anh Phạm Văn T5 được quyền sử dụng thửa đất số 681, tờ bản đồ số 11 xã Q có diện tích $180m^2$ (gồm đất ở $137m^2$, đất trồng cây lâu năm $43m^2$) và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DD 311855 cho ông Phạm Trọng T1 đối với thửa đất số 682, tờ bản đồ số 11 xã Q có diện tích $270m^2$ (gồm đất ở $143m^2$, đất trồng cây lâu năm $127m^2$). Theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 106, Điều 195 Luật Đất đai năm 2013, Điều 79 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật Đất đai và Công văn số 64/TANDTC-PC ngày 03/4/2022 của Tòa án nhân dân tối cao thì Giấy chứng nhận quyền sử dụng

đất cấp cho ông T1 trên cơ sở hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất là thủ tục hành chính trong giao dịch dân sự, không mang tính chất của quyết định hành chính cá biệt; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền sẽ thực hiện việc đăng ký biến động, cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên cơ sở kết quả giao dịch có hiệu lực. Khi giải quyết tranh chấp về hợp đồng chuyển quyền sử dụng đất mà hợp đồng đó bị vô hiệu nhưng người nhận chuyển quyền đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc đã được xác nhận nội dung đăng ký biến động thì không đưa cơ quan có thẩm quyền trong việc cấp giấy tham gia tố tụng và không cần phải tuyên hủy giấy chứng nhận cấp cho người nhận chuyển quyền. Do đó kháng cáo của nguyên đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đứng về phía nguyên đơn về việc hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Phạm Trọng T1 là không có căn cứ; quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định về việc Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý giải quyết vụ án không đúng thẩm quyền và đề nghị hủy bản án sơ thẩm là không được chấp nhận.

[2.5] Đối với quan điểm của của luật sư phía nguyên đơn cho rằng thửa đất số 248, diện tích 450m² là tài sản chung của hộ gia đình cụ T6 (gồm cụ T6, cụ Ch1, bà M, anh H). Tuy nhiên nguồn gốc thửa đất là của bố mẹ cụ T6 để lại cho vợ chồng cụ T6 nên không liên quan đến bà M và anh H; mặt khác thời điểm đó Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp chung cho các loại đất (đất ở, đất nông nghiệp) nên ghi tên chung là hộ gia đình. Vì vậy quan điểm của luật sư không có cơ sở chấp nhận

[2.6] Từ những phân tích nhận định nêu trên, xét thấy những quyết định của bản án sơ thẩm là phù hợp và có căn cứ pháp luật; tại cấp phúc thẩm những người kháng cáo không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ mới và không đưa ra được lý lẽ thuyết phục để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình. Vì vậy không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Các vấn đề khác không có kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông T, ông T3 phải nộp án phí dân sự phúc thẩm, được đối trừ số tiền tạm ứng đã nộp. Bà Th, Tuất, Rần là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông Phạm Văn T, bà Phạm Thị Th, bà Phạm Thị T2, Bà Phạm Thị R, ông Phạm Văn T3. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 118/2023/DS – ST ngày 01 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện H.

2. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Phạm Văn T và ông Phạm Văn T3 mỗi người phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), được đối trừ số tiền tạm ứng án

phí 600.000đ (sáu trăm nghìn đồng) ông T và ông T3 đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0002732 và 0002733 cùng ngày 14/8/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H. Ông T3 và ông T đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Nam Định;
- TAND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tiến Dũng